

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026
ĐỘ TUỔI 18 - 24 THÁNG TUỔI

TT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Điều chỉnh bổ sung
	Mục tiêu		
I. Lĩnh vực phát triển thể chất			
1. Phát triển vận động			
a) Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp			
1	- Trẻ biết bắt chước một số động tác theo cô: Giơ tay lên cao - đưa về phía trước - sang ngang.	- Hô hấp: Tập hít thở. - Tay: + 2 tay giơ cao, hạ xuống + 2 tay đưa phía trước, hạ xuống + 2 tay đưa sang ngang, hạ xuống + 2 tay đưa ra sau, hạ xuống - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, đứng thẳng người lên + Nghiêng người sang 2 bên - Chân: + Dạng sang 2 bên + Ngồi xuống, đứng lên	
b) Các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu			
2	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (ở trên sàn) hoặc cầm đồ vật nhỏ trên hai tay và đi hết đoạn đường 1,8-2 m	- Tập đi, chạy: + Đi theo hướng thẳng + Đi trong đường hẹp + Đi bước qua vật cản. + Đi theo hiệu lệnh + Đi bước qua gậy + Đi có mang đồ chơi trên tay - Tập bước lên, xuống bậc thang	

3	- Trẻ biết thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: Biết lăn - bắt bóng với cô	- Ngồi lăn bóng: + Lăn bóng với cô + Lăn bóng qua cổng	
4	- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong bò, trườn chui qua vòng, qua vật cản.	- Tập bò, trườn: + Bò, trườn tới đích + Bò về phía trước + Bò về phía trước có mang vật trên lưng + Bò, trườn đến vật chuẩn + Bò chui dưới dây + Bò chui qua cổng	
5	- Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném bằng một tay lên phía trước được khoảng 1,2 m; đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5 m.	- Tập tung, ném: + Ném bóng bằng 1 tay + Tung bóng qua dây + Đá bóng lăn xa lên trước 1,5m.	

c, Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay và phối hợp tay – mắt.

6	- Trẻ nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay.	- Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay. - Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật. - Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay.	
7	- Trẻ biết tháo lắp, lồng được 3- 4 hộp tròn.	- Tháo lắp, lồng hộp tròn, vuông. - Đóng mở nắp có ren.	
8	- Trẻ xếp chồng được 4-5 khối trụ	- Xếp chồng 4-5 khối.	

2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.

a, Có nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt

9	- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau.	
---	--	---	--

10	- Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa.	- Làm quen chế độ ngủ 1 giấc.	
11	- Trẻ biết “gọi” người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh	- Tập một số thói quen vệ sinh tốt: + Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh. + “Gọi” cô khi bị ướt, bị bẩn.	

b, Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe

12	- Trẻ có thể làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước).	- Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc. - Tập ngồi vào bàn ăn. - Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh. - Làm quen với rửa tay, lau mặt.	
----	---	---	--

c, Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn

13	- Trẻ biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.	
14	- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm (Sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.	

II. Lĩnh vực phát triển nhận thức

1. Luyện tập và phối hợp các giác quan

15	.- Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe... để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ chơi vừa mới cất giấu. - Nghe âm thanh và tìm nơi phát ra âm thanh - Ném vị 1 số loại quả, thức ăn	
----	--	---	--

		- Sờ nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh - Ngửi mùi của 1 số hoa, quả quen thuộc, gần gũi.	
2. Nhận biết			
16	- Trẻ biết bắt chước hành động đơn giản của những người thân	- Hình ảnh của bản thân trong gương.	
17	- Trẻ biết chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên của bản thân - Tên của một số người thân gần gũi trong gia đình, nhóm lớp.	
18	- Trẻ biết chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận trên cơ thể của người khi được hỏi.	- Tên một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.	
19	- Trẻ biết chỉ / lấy / nói tên đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.	- Tên, đặc điểm nổi bật của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Đồ chơi, đồ dùng của bản thân. - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, hoa, quả quen thuộc. - Tên của phương tiện giao thông gần gũi. - Mùa hè, 1 số trang phục mùa hè	
20	- Trẻ biết chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn.	- Màu đỏ, xanh - Kích thước to - nhỏ.	
III. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
1. Nghe hiểu lời nói			

21	- Trẻ thực hiện được các yêu cầu đơn giản: đi đến đây; đi rửa tay....	- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc. - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.	
22	- Trẻ hiểu được từ “không”: dừng hành động khi nghe “không được lấy!”; “ không được sờ!”...	- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói.	
23	- Trẻ biết trả lời được câu hỏi đơn giản: “Ai đây?”; “con gì đây?”; “cái gì đây?”...	- Nghe các câu hỏi: “ Ở đâu?”; “Con gì?”; “... thế nào?” (“Gà gáy thế nào?”); “Cái gì?”; “Làm gì?”. - Trả lời và đặt câu hỏi: “con gì?”; “Cái gì?”; “Làm gì?”.	
2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng, các câu.			
24	<i>* Trẻ biết được nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu;</i> - Trẻ nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: Con vịt, vịt bơi, bé đi chơi...	- Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi. - Mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh.	
25	- Trẻ đọc tiếp được tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.	- Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ. - Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản theo tranh.	
3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp			
26	- Trẻ nói được câu đơn 2-3 tiếng: con đi chơi; bóng đá; mẹ đi làm...	- Phát âm các âm khác nhau.	

27	- Trẻ biết chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân (cháu uống nước, cháu muốn...)	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản.	
I. Lĩnh vực Phát triển tình cảm kĩ năng xã hội và thẩm mỹ			
1. Trẻ biết biểu lộ sự nhận thức về bản thân			
28	- Trẻ nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh (chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi).	- Nhận biết tên gọi, hình ảnh bản thân.	
2. Trẻ nhận biết được và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi			
29	- Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi.	- Giao tiếp với cô và bạn.	
30	- Trẻ cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình với người xung quanh.	- Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh.	
31	- Trẻ thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật.	- Quan tâm đến các vật nuôi, đồ vật, đồ dùng đồ chơi... hàng ngày	
3. Trẻ thực hiện được một số hành vi xã hội đơn giản;			
32	- Trẻ biết chào tạm biệt khi được nhắc nhở.	- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp, như: chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ “ạ”, “dạ”.	
33	- Trẻ biết bắt chước được một vài hành vi xã hội (bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...).	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	
34	- Trẻ biết làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn.	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của người lớn.	
4. Phát triển cảm xúc thẩm mỹ			

35	- Trẻ thích nghe hát và vận động theo nhạc (giậm chân, lắc lư, vỗ tay...).	- Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc.	
36	- Trẻ thích vẽ, thích xem tranh.	- Tập cầm bút vẽ. - Xem tranh.	

Giáo dục STEM/STEAM phù hợp điều kiện thực tế của lớp- trường

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(Duyệt)



Nguyễn Hương Giang

Ngày 22 tháng 08 năm 2025
NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

Nguyễn Thị Thanh Loan

II. DỰ KIẾN THÁNG VÀ THỜI GIAN NHÓM TRẺ 18- 24 THÁNG TUỔI

Stt	Tháng	Số tuần	Thời gian	Lễ/hội/sự kiện	Ghi chú
1	Tháng 9 (4 tuần)	Tuần 1	08/9 ->12/9/2025		
		Tuần 2	15/9 ->19/9/2025		
		Tuần 3	22/9 ->26/9/2025		
		Tuần 4	29/9->03/10/2025	Tết trung thu	
2	Tháng 10 (4 tuần)	Tuần 1	06/10->10/10/2025		
		Tuần 2	13/10->17/10/2025		
		Tuần 3	20/10->24/10/2025		
		Tuần 4	27/10->31/10/2025		
3	Tháng 11 (4 tuần)	Tuần 1	03/11->07/11/2025		
		Tuần 2	10/11->14/11/2025		
		Tuần 3	17/11->21/11/2025		
		Tuần 4	24/11->28/11/2025		
4	Tháng 12 (5 tuần)	Tuần 1	01/12->05/12/2025		
		Tuần 2	08/12->12/12/2025		
		Tuần 3	15/12->19/12/2025		
		Tuần 4	22/12->26/12/2025		
		Tuần 5	29/12/25 >02/01/2026		
5	Tháng 1 (4 tuần)	Tuần 1	05/01->09/01/2026	Kết thúc học kì I	
		Tuần 2	12/01->16/01/2026		
		Tuần 3	19/01->23/01/2026		
		Tuần 4	26/01->30/01/2026		
6	Tháng 2 (3 tuần)	Tuần 1	02/02->06/02/2026		
		Tuần 2	09/02->13/02/2026	Tết nguyên đán	
		Nghỉ tết nguyên đán 16/2 ->20/2/2026			
		Tuần 3	23/02->27/02/2026		
7	Tháng 3 (4 tuần)	Tuần 1	02/03->06/03/2026		
		Tuần 2	09/03->13/03/2026		
		Tuần 3	16/03->20/03/2026		

		Tuần 4	23/03->27/03/2026		
8	Tháng 4 (4 tuần)	Tuần 1	30/03->03/04/2026		
		Tuần 2	06/04->10/04/2026		
		Tuần 3	13/04->17/04/2026		
		Tuần 4	20/04->24/04/2026		
9	Tháng 5 (3 tuần)	Ôn tập 27/04->01/05/2026		Giỗ tổ 10/3; Lễ 30/4 và 1/5; Ôn tập	
		Tuần 1	04/05->08/05/2026		
		Tuần 2	11/05-> 15/05/2026		
		Tuần 3	18/05->22/05/2026		